BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành

Năm báo cáo: 2017

CÔNG TY C? PH?N THUONG M?I VÀ D?CH V? TI?N THÀNH
Digitally signed by CÔNG TY C PHN THNG MI VÀ DCH V TIN THÀNH
DN: E=tienthanhTSC@gmail.com, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100596523, CN=CÔNG TY C PHN THNG MI VÀ DCH V TIN THÀNH, L=Hà Ni, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018.04.06 16:13:48

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100596523
- Vốn điều lệ: 298.999.810.000 VNĐ
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 298.999.810.000 VNĐ
- Địa chỉ: KĐT Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP. Hà Nội.
- Số điện thoại: (84.4) 38770620
- Số fax: (84.4) 38772668
- Website: tienthanhjsc.vn
- Mã cổ phiếu: TTH

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty TNHH Tiến Thành được thành lập từ năm 1994, hoạt động sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Với phương châm "Gắn lợi ích xã hội trong kinh doanh sản xuất" Công ty đã tiếp nhận người khuyết tật có khả năng lao động trên địa bàn các tỉnh phía Bắc đến và làm việc tại Công ty.

Ngày 12/12/1994, Công ty được Sở Lao động Thương binh và xã hội Hà Nội trao quyết định là cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người khuyết tật.

Ngày 04/11/2013, Công ty TNHH Tiến Thành chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành, được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100596523 với vốn điều lệ là 8 (tám) tỷ đồng. Bên cạnh việc duy trì sản xuất mặt hàng thủ công mỹ nghệ cho người lao động khuyết tật, Tiến Thành còn mở rộng thêm hoạt động kinh doanh thời trang cao cấp và kinh doanh đầu tư Bất động sản.

Trải qua 14 năm hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, quy mô vốn điều lệ của công ty đã tăng trưởng từ 8 (tám) tỷ đồng lên gần 300 tỷ đồng, hiệu quả hoạt động được nâng cao qua các năm.

Trong quá trình hoạt động, theo định hướng của Ban Lãnh đạo Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành luôn làm tốt công tác sử dụng lao động là người khuyết tật. Hàng năm Công ty được Sở Lao động Thương Binh và Xã hội Thành phố Hà Nội cấp chứng nhận là cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% trở lên lao động là người khuyết tật. Đồng thời, Công ty cũng được Liên đoàn lao động công nhận là đơn vị đạt danh hiệu vững mạnh. Bên cạnh đó, Công ty và cá nhân các lãnh đạo của Công ty cũng nhận được nhiều bằng khen từ các Sở, ban, ngành của TP.Hà Nội.

Ngày 31/03/2016, Tiến Thành đã trở thành công ty đại chúng.

Ngày 26/10/2016, 10 triệu cổ phiếu của Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 09/01/2017 Công ty đã hoàn thành phát hành 2.999.998 cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ lên 129.999.980.000 VNĐ.

Ngày 09/11/2017 Công ty đã phát hành thành công 16.899.983 cổ phiếu, trong đó 3.899.985 cổ phiếu phát hành để trả cổ tức và 12.999.998 cổ phiếu chào bán ra công chúng tăng vốn điều lệ của công ty lên gần 300 tỷ đồng.

Ngày 10/11/2017 Công ty đã hoàn thành việc mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Sơn Phú và Công ty CP Đầu tư Sơn Phú trở thành công ty con của Tiến Thành.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Kinh doanh hàng thời trang Valentino Creations

+ Kinh doanh các mặt hàng khoáng sản, sắt phế liệu…

- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng…

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đồng thời là công ty đại chúng niêm yết nên Công ty thiết lập mô hình quản trị theo đúng quy định của pháp luật liên quan. Theo đó, cơ cấu quản lý của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc (TGĐ).

- Cơ cấu bộ máy quản lý

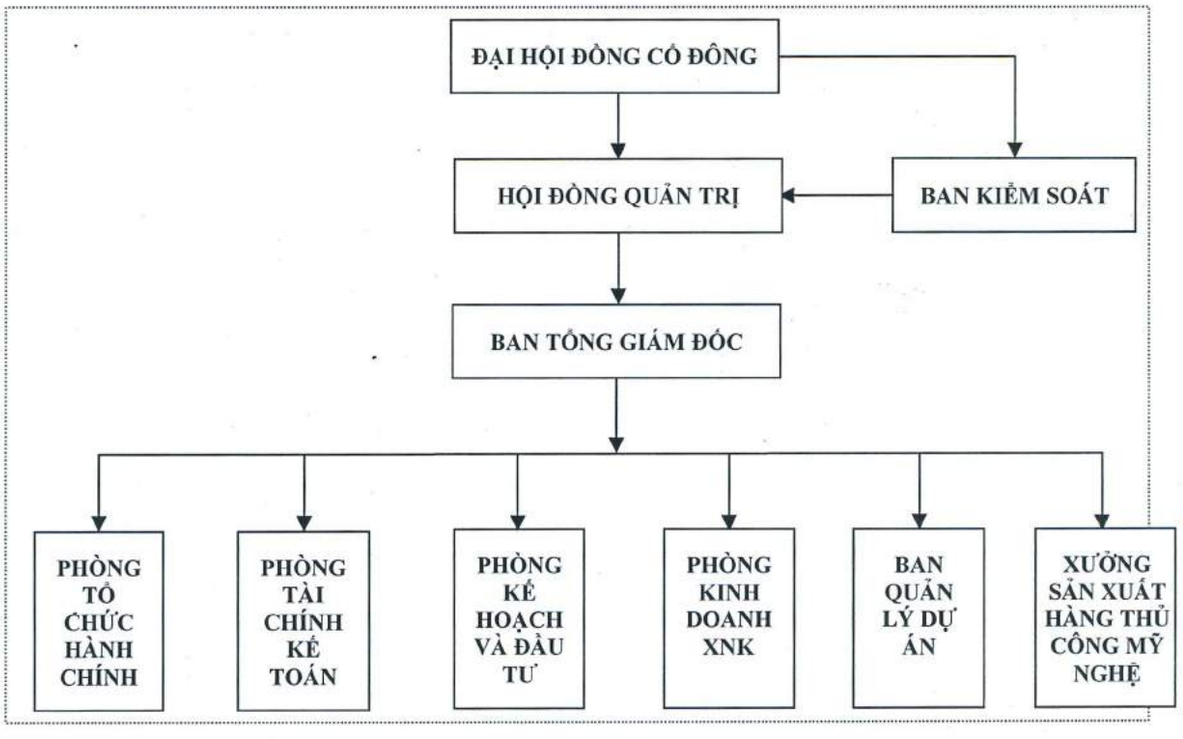

❖ Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền tổ chức lại và giải thể công ty; quyết định định hướng phát triển của công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

❖ Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản trị cao nhất của công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.

❖ Ban kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đồng bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.

- Công ty con:
  - Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Sơn Phú
  - Địa chỉ trụ sở chính: Số 122 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
  - Ngành nghề kinh doanh chính:

    + Buôn bán vật liệu xây dựng;

    + Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

    + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
  - Vốn điều lệ tại thời điểm 31/03/2018: 140 tỷ đồng
  - Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 64,3%

4. *Định hướng phát triển*

a) Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- Luôn cố gắng hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

- Tiếp tục duy trì và phát triển mảng kinh doanh mặt hàng thời trang, xây dựng hình ảnh và thương hiệu của Công ty.

- Dần hoàn thiện mô hình quản trị công ty hướng tới xây dựng kiểm soát nội bộ tốt.

- Đào tạo và phát triển nguồn lực nhân sự chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Định hướng chiến lược của Tiến Thành trong những năm tới là phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản làm hoạt động cốt lõi. Để thực hiện định hướng này, Tiến Thành sẽ từng bước M&A các công ty hoặc các dự án có quỹ đất lớn để đầu tư phát triển các dự án bất động sản.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Mục tiêu phát triển bền vững của Công ty "Phát triển doanh nghiệp luôn đi đôi với việc bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội"

- Tăng trưởng kinh tế bền vững: tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, duy trì mức trả cổ tức hàng năm cho cổ đông.

- Phát triển xã hội bền vững: Cung cấp các sản phẩm chất lượng, phù hợp với nhu cầu của khách hàng; Đảm bảo môi trường làm việc và quyền lợi cho người lao động tạo sự gắn bó lâu dài với công ty; Đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động khuyết tật.

- Giữ gìn môi trường bền vững: Tuân thủ các quy định của pháp luật ngăn ngừa ô nhiễm môi trường; tiết kiệm năng lượng, văn phòng phẩm giảm thiểu rác thải văn phòng….

5. *Các rủi ro:*

a) Rủi ro về kinh tế:

Kinh tế thế giới năm 2017 có sự diễn biến tích cực và khởi sắc nhờ các hoạt động kinh tế gia tăng tại các nền kinh tế phát triển, sự chuyển dịch kinh tế vĩ mô tại Mỹ và sự ổn định tại các nền kinh tế mới nổi. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 3,6% cao hơn nhiều so với năm 2016. Tuy nhiên, việc chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng, bất ổn định chính trị hay những tàn dư của cuộc khủng hoảng tài chính là những rủi ro đe dọa đà phục hồi kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những chính sách và kế hoạch kinh tế của Tổng thống Trump vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với nền kinh tế thế giới và nền kinh tế đầu tàu Hoa Kỳ. Quá trình phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam gắn liền với những biến đổi của nền kinh tế thế giới, do vậy kinh tế trong nước sẽ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố rủi ro mang tính hệ thống.

Nền kinh tế Việt Nam đang có sự tăng trưởng trên nền tảng vững chắc. Trong năm 2017 tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, cao nhất trong 8 năm trở lại đây. Tỷ lệ lạm phát được kiểm soát dưới 4% (thấp hơn tỷ lệ lạm phát trung bình giai đoạn 2011 – 2017 là 6,5%). Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được dự báo tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát và lãi suất được kiềm chế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại nói riêng.

b) Rủi ro về luật pháp:

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần đồng thời niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), vì vậy mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung hoàn thiện. Sự thay đổi trong luật pháp và chính sách của Nhà nước ít nhiều cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và quản trị của Công ty.

c) *Rủi ro đặc thù* (ngành nghề kinh doanh; nhà cung cấp, hàng tồn kho…)

- Ngành thời trang là ngành mang tính cạnh tranh cao, muốn thâm nhập tốt vào thị trường sẽ phải chịu áp lực rất lớn trong việc vừa phải đảm bảo chất lượng tốt đồng thời phải đa dạng hóa chủng loại, mẫu mã, kiểu dáng ….. phù hợp với thị hiếu của từng nhóm khách hàng. Đối với doanh nghiệp phân phối mặt hàng thời trang như Tiến Thành việc chuẩn bị nguồn hàng đầu vào kịp thời, đầy đủ, phù hợp với thị yếu, yêu cầu của khách hàng giúp đẩy mạnh tốc độ lưu chuyển hàng hóa, nâng cao uy tín và hiệu quả kinh doanh.

- Rủi ro từ quản lý hàng tồn kho là một trong những rủi ro đặc thù trong ngành. Công ty luôn phải duy trì một nguồn hàng có sẵn để cung cấp cho đối tác bán lẻ là Công ty TNHH thời trang VMG. Không cung ứng đầy đủ nguồn hàng cần thiết cho đối tác theo các đơn hàng định kỳ và đơn hàng phát sinh do nhu cầu tăng lên sẽ khiến khách hàng không hài lòng, mất uy tín và ảnh

hưởng đến kết quả bán hàng của Công ty. Ngược lại, hàng tồn kho nhiều khiến Công ty phải chịu tổn thất lớn khi bán quần áo dư thừa với giá chiết khấu kèm theo những chi phí trong việc quản lý, lưu trữ hàng tồn kho.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2016 (tỷ đồng)	Năm 2017 (tỷ đồng)		Tỷ lệ (%)	
		Kế hoạch	Thực hiện	So với cùng kỳ	TH/KH
Doanh thu thuần hợp nhất	158,240	174,000	171,790	108,56	98,73
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	60,055	45,000	28,625	47,67	63,61
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	60,055	45,000	28,625	47,67	63,61

(Căn cứ số liệu BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán)

Năm 2017, doanh thu đạt 171,790 tỷ đồng, tăng 8,56% so với năm 2016; lợi nhuận sau thuế đạt 28,625 tỷ đồng, giảm 52,33% so với năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do: trong năm 2017 doanh thu mặt hàng thời trang giảm mạnh, chiếm 37,2% trong cơ cấu doanh thu. Trong khi đó tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu mặt hàng thời trang tăng gần 17% so với năm 2016 nên lợi nhuận từ mặt hàng thời trang giảm mạnh. Doanh thu chủ yếu từ mảng kinh doanh khoáng sản, thép, phế liệu,... (chiếm 62,8% trong cơ cấu doanh thu) - đây là mảng có biên lợi nhuận thấp, do vậy lợi nhuận sau thuế năm 2017 giảm mạnh so với năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách ban điều hành:

Ông Nguyễn Hữu Trường – Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Hữu Trường
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 25/03/1971
- Nơi sinh : Thái Bình
- Số CMND : 025306254
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 513/6/1 Nguyễn Oanh, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác

  1996 - 2013 : Đội trưởng đội quản lý công trình - Đội quản lý đường sông số 14 – Bộ GTVT

  Từ năm 2013 đến nay : Thành viên HĐQT – CTCP Gạch ngói Kiên Giang

Từ 2013 đến 3/2017	:	Phó Giám đốc – CTCP ĐTP Miền Nam
3/2017 đến nay	:	Giám đốc – CTCP ĐTP Miền Nam
Từ tháng 3/2016 đến nay	:	Chủ tịch HĐQT – CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành
22/4/2017 đến nay	:	Tổng Giám đốc – CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành
- Chức vụ tại Công ty	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác	:	Thành viên HĐQT – CTCP Gạch ngói Kiên Giang, Giám đốc – CTCP ĐTP Miền Nam
- Tổng số CP nắm giữ	:	6.279.000 cổ phần (21% vốn điều lệ)

Ông Vũ Văn Trọng – Phó Tổng Giám đốc thường trực

- Họ và tên	:	Vũ Văn Trọng
- Giới tính	:	Nam
- Ngày sinh	:	29/07/1980
- Nơi sinh	:	Nam Định
- Số CMND	:	162295529
- Quốc tịch	:	Việt Nam
- Dân tộc	:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	:	Yên Định, Hải Hậu, Nam Định
- Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật
- Quá trình công tác :		
2003 – 05/2007	:	TP. Tổ chức hành chính – Công ty TNHH Cavico VN xây dựng lắp điện
06/2007 – 05/2011	:	TP.Tổ chức hành chính – Công ty Cổ phần Cavico Giao thông
06/2011 – 10/2016	:	TP. Tổ chức hành chính – Công ty TNHH MTV Cơ giới và xây dựng Sông Hồng
11/2016 – Nay	:	Phó Tổng giám đốc thường trực – Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành
9/5/2017 – nay	:	Thành viên HĐQT – CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành
- Chức vụ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực
- Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không có
- Tổng số CP nắm giữ	:	0 cổ phần

Bà Trịnh Thanh Tươi – Kế toán trưởng

- Họ và tên	:	Trịnh Thanh Tươi
- Giới tính	:	Nữ
- Ngày sinh	:	26/05/1990
- Nơi sinh	:	Ninh Bình
- Số CMND	:	164444128

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: : Xã Ninh Phú, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác

Từ 2012 đến 07/2014	:	Kế toán tổng hợp – CTCP thẩm định ASEAN Việt Nam
08/2014 – 08/2016	:	Kế toán trưởng – CTCP Tập đoàn Sóng thần
08/2016 – 15/06/2017	:	Kế toán tổng hợp – CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành
Từ 15/06/2017 đến nay	:	Kế toán trưởng – CTCP Thương mại và dịch vụ Tiến Thành

- Chức vụ tại Công ty : Kế toán trưởng
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
- Tổng số CP nắm giữ : 0 cổ phần

b) *Những thay đổi trong ban điều hành:*

- Miễn nhiệm Ông Nguyễn Tuấn Anh, bổ nhiệm Ông Nguyễn Hữu Trường chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám (Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2017/NQ-HĐQT ngày 22/04/2017)
- Miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Phó tổng giám đốc nội chính (theo Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐQT ngày 08/06/2017)
- Thay đổi nhân sự kế toán trưởng: miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Kim Phượng, bổ nhiệm bà Trịnh Thanh Tươi (theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 15/06/2017)

c) Số lượng cán bộ, nhân viên, các chính sách, thay đổi chính sách đối với người lao động:

Tính đến thời điểm 31/12/2017, số lượng người lao động tại Công ty là 25 người. Chính sách đóng góp cho cộng đồng và xã hội của Công ty được thể hiện thông qua các hoạt động hỗ trợ y tế công cộng, tạo công ăn việc làm cho người khuyết tật. Công ty đã sử dụng hiệu quả lao động là người khuyết tật trong hoạt động sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ: mây tre đan, sơn mài, hàng thủ công từ giấy,… qua đó tạo cho người khuyết tật có cơ hội cải thiện cuộc sống.

- Chính sách phát triển nguồn nhân lực: Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn phù hợp đối với từng vị trí, nâng cao năng lực quản lý, năng lực làm việc của nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty luôn coi trọng việc thu hút nhân tài trẻ, giỏi; phát tiển năng lực, kỹ năng chuyên môn của đội ngũ nhân viên có sẵn theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng hiệu suất làm việc và đáp ứng được nhu cầu công việc trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

- Chính sách tiền lương, thưởng: Định hướng tiền lương và tiền thưởng phân phối cho người lao động luôn tương xứng với chức danh và kết quả làm việc của người lao động.

- Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ xã hội cho người lao động theo Luật lao động và Nội quy lao động. Công ty thực hiện chế độ làm việc 48h/tuần, ngoài ra có thể làm thêm giờ với mức lương thỏa thuận, cao hơn mức bình thường nếu công việc yêu cầu nhưng vẫn đảm bảo chế độ nghỉ ngơi và làm việc

theo đúng quy định của pháp luật. Vào dịp lễ tết công ty có tổ chức tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong công ty.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Dự án Tiến Thành Tower: Vẫn đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, xuất phát từ việc đánh giá thị trường đầu ra của Dự án tại thời điểm năm 2017 không thực sự tốt, một số thay đổi chính sách Nhà nước về xây dựng, cho đến hiện tại dự án Tiến Thành Tower vẫn chưa hoàn tất thủ tục cấp phép xây dựng và chưa triển khai thi công. Ban giám đốc Công ty đã điều chỉnh phương án kiến trúc chia nhỏ căn hộ gửi Sở Quy hoạch Kiến trúc chờ phê duyệt.
- Dự án hợp tác đầu tư sản xuất rượu với Công ty EMJ Hà Nam: Đang hoàn thiện các hồ sơ để được cấp giấy phép đầu tư sản xuất rượu. Trong thời gian chờ cấp giấy phép, EMJ Hà Nam đã hoàn thành việc sửa chữa dây chuyền sản xuất cồn. Trong quý I/2018 đã tiến hành chạy 3 đợt dây chuyền sản xuất cồn.

b) Công ty con: Công ty Cổ phần Đầu tư Sơn Phú

❖ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	115.956.694.177	131.137.695.183	13,09%
Doanh thu thuần	33.330.002.864	91.767.724.304	175,33%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(719.158.543)	11.553.325.352	1706,51%
Lợi nhuận khác	3.181.377.963	5.540.108.142	74,14%
Lợi nhuận trước thuế	2.462.219.420	17.093.433.494	594,23%
Lợi nhuận sau thuế	2.462.219.420	16.962.832.478	588,92%

4. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	256.619.279.308	480.038.037.154	87,06
Doanh thu thuần	158.240.472.550	171.790.660.800	8,56
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	60.336.259.490	28.641.455.559	-52,53
Lợi nhuận khác	(281.217.536)	(16.033.673)	94,30
Lợi nhuận trước thuế	60.055.041.954	28.625.421.886	-52,33
Lợi nhuận sau thuế	60.055.041.954	28.625.421.886	-52,33
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

(Theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (lần)	3,25	2,17	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh: (lần)	1,94	1,49	
Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản (%)	25,10	29,83	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	33,51	42,51	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân (lần)	1,89	1,53	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	0,62	0,36	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	37,95	16,66	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	31,24	8,50	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	23,40	5,96	
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	28,13	16,67	

(Theo BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán)

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 29.899.981 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Trong đó: Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 24.094.094 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 5.805.887 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/09/2017 và báo cáo kết quả phát hành ngày 10/11/2017)

Tổng số 878 cổ đông. Trong đó:

- 02 cổ đông lớn, 876 cổ đông nhỏ
- 16 cổ đông tổ chức, 862 cổ đông cá nhân
- 865 cổ đông trong nước, 13 cổ đông nước ngoài.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Ngày 10/11/2017 Công ty đã phát hành thành công 16.899.983 cổ phiếu, trong đó 3.899.985 cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 30% và 12.999.998 cổ phiếu chào bán ra

công chúng theo tỷ lệ 1:1, vốn góp chủ hữu tăng từ 129.999.980.000 đồng lên 298.999.810.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. *Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại không phải là đơn vị sản xuất, nên chủ yếu là nhập thành thành phẩm để kinh doanh thương mại.

- Hoạt động kinh doanh thời trang: Các sản phẩm quần tây, áo sơ mi, áo thun, thắt lưng, giày dép cho nam, túi xách, giày dép cho nữ của Valentino Creations Công ty đang phân phối được nhập khẩu từ 2 Công ty S.A.S Textile Corporation và Active Creation Apparel có xuất xứ từ Thái Lan và Malaysia.
- Hoạt động kinh doanh các mặt hàng khoáng sản: Hai nhà cung cấp chính nguyên vật liệu cho hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty là Công ty TNHH Thái Hưng và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Phú Hưng Long.
- Hoạt động sản xuất, gia công hàng thủ công mỹ nghệ và gia công vàng mã: Đối với việc gia công vàng mã, Tiến Thành nhận gia công cho một số chủ cơ sở vàng mã nhỏ ở Bắc Ninh. Khi có đơn hàng, chủ cơ sở sẽ chuyển nguyên vật liệu theo từng đơn hàng để Tiến Thành gia công và chuyển lại sản phẩm đã gia công cho chủ cơ sở.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu là điện năng. Nguồn điện được công ty sử dụng tiết kiệm để giảm chi phí đầu vào nhằm gia tăng lợi nhuận.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước sạch do thành phố cung cấp.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Hiện tại công ty chưa có hệ thống tái chế và tái sử dụng lại nguồn nước đã qua sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy đinh về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2017 là 25 người
- Mức thu nhập bình quân: 8.000.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty luôn thực hiện các chính sách lao động đúng theo Luật lao động, Nội quy lao động.
- Đảm bảo cho người lao động có việc làm và thu nhập đạt mức khá so với mặt bằng chung thành phố Hà Nội.
- Tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động
- Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ bảo hộ an toàn lao động, an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt là đối với lao động là người khuyết tật.
- Giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ phép, nghỉ lễ tết theo quy định, trợ cấp khó khăn.
- Tổ chức cho CBNV công ty tham quan, nghỉ mát định kỳ.
- Thưởng, tặng quà dịp lễ, tết; tặng quà cho con của CBNV đạt thành tích trong học tập nhân dịp Tết thiếu nhi.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và phân loại nhân viên: khoảng 200 giờ/người/năm.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Định kỳ hàng tháng, các bộ phận trong Công ty thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng làm việc, kỹ năng xử lý các vấn đề phát sinh trong từng bộ phận. Hàng quý, Ban Lãnh đạo Công ty tổ chức gặp gỡ toàn thể CBCNV để tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty và trao đổi nâng cao kỹ năng làm việc đối với toàn thể CBCNV trong Công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã tạo công ăn việc làm cho nhiều người khuyết tật trong hoạt động sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ: mây tre đan, hàng thủ công từ giấy,...giúp họ có cơ hội cải thiện cuộc sống. Bên cạnh đó, công tác từ thiện xã hội luôn được công ty quan tâm.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Phân tích tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	% Tăng giảm
Doanh thu thuần	**158.240.472.550**	**171.790.660.800**	**8,56%**
Lợi nhuận gộp	68.555.112.462	33.376.232.338	-51,31%

Doanh thu tài chính	176.678.260	2.312.423.320	1208,83%
Thu nhập khác	347	136.906.196	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	60.336.259.490	28.641.455.559	-52,53%
Lợi nhuận trước thuế	60.055.041.954	28.625.421.886	-52,33%
Lợi nhuận sau thuế	**60.055.041.954**	**28.625.421.886**	**-52,33%**
Giá vốn hàng bán	89.685.360.088	138.414.428.462	54,33%
Chi phí tài chính	1.245.324.956	1.166.843.387	-6,30%
Chi phí bán hàng	3.569.090.909	1.557.577.915	-56,36%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.581.115.367	4.322.778.797	20,71%
Tổng chi phí	**98.362.109.203**	**145.614.568.430**	**48,04%**

(Căn cứ số liệu BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán)

Doanh thu bán hàng năm 2017 là 171,790 tỷ đồng, đạt 98,73% so với kế hoạch và tăng 8,56% so với năm 2016. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2017 là 28,625 tỷ đồng, đạt 63,61% so với kế hoạch và giảm 52,33% so với năm 2016.

Nguyên nhân dẫn tới việc không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã đề ra:

- Hiện nay hàng loạt thương hiệu thời trang nước ngoài đã có mặt tại Việt Nam như Topshop, Zara, H&M, Mango, Uniqlo, … rồi thời trang giá rẻ từ Trung Quốc, Thái Lan đổ bộ vào thị trường Việt Nam khiến cho thị trường thời trang trong nước cạnh tranh khốc liệt và ảnh hưởng không nhỏ tới việc kinh doanh mặt hàng thời trang của Công ty. Trong năm 2017, cơ cấu doanh thu mặt hàng thời trang giảm mạnh (từ 74,5% năm 2016 xuống 37,2% năm 2017) trong khi đó tỷ trọng giá vốn hàng bán tăng 17% so với năm 2016 dẫn tới lợi nhuận mặt hàng thời trang giảm mạnh.
- Bên cạnh đó tổng chi phí năm 2017 tăng 48,04% so với năm 2016. Trong đó: tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu tăng cao từ 56,68% (năm 2016) lên 80,57% (năm 2017); Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 20,71%, chi phí tiền lương nhân viên tăng…

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Trong năm 2017, Ban lãnh đạo công ty đã nỗ lực để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty và công bố thông tin không để xảy ra trường hợp vi phạm nào.

2. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài sản:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Tăng giảm	Tăng/ Giảm
		Giá trị [1] (Tỷ đồng)	*Tỷ trọng (%)*	*Giá trị [2] (Tỷ đồng)*	*Tỷ trọng (%)*	*[3]=[2]-[1] (Tỷ đồng)*	*[4]=[3]/[1] (%)*
	Tổng tài sản	**256,62**	**100**	**480,04**	**100**	**223,42**	**87,06**
1	**Tài sản ngắn hạn**	**209,21**	**81,52**	**310,63**	**64,71**	**101,42**	**48,48**
1.1	Tiền và các khoản	10,58	4,12	24,75	5,16	14,17	133,90

	tương đương tiền						
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	110,04	42,88	186,84	38,92	76,80	69,79
1.3	Hàng tồn kho	84,08	32,77	96,76	20,16	12,68	15,08
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	4,50	1,75	2,27	0,47	-2,23	-49,48
2	**Tài sản dài hạn**	**47,41**	**18,48**	**169,41**	**35,29**	**121,00**	**257,30**
2.1	Phải thu dài hạn	34,20	13,33	116,64	24,30	82,44	241,05
2.2	Tài sản cố định	3,58	1,40	42,62	8,88	39,03	1089,06
2.3	Đầu tư tài chính dài hạn	9,52	3,71	9,52	1,98	-	-
2.4	Tài sản dài hạn khác	0,112	0,04	0,455	0,09	343,12	306,12

(Căn cứ số liệu BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán)

Tính đến 31/12/2017:

- Tổng giá trị tài sản của công ty là 480,04 tỷ đồng tăng 87,06% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 64,71% , tài sản dài hạn chiếm 35,29% trong cơ cấu tổng tài sản.
- Trị giá các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm 2017 là 186,84 tỷ đồng, tăng 69,79% so với năm 2016. Trong đó khoản trả trước cho người bán là 116,53 tỷ đồng chiếm 62,37% trong tổng các khoản phải thu ngắn hạn. Công ty
- Phải thu dài hạn chiếm 24,30% trong tổng tài sản. Đây là khoản phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác.
- Năm 2017 công ty không phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi, mất khả năng thanh toán.
- Hiệu suất sử dụng tài sản:

$$\text{Vòng quay tổng tài sản} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} = \frac{171{,}791 \text{ tỷ đồng}}{368{,}329 \text{ tỷ đồng}} = 0{,}47 \text{ vòng}$$

$$\text{Vòng quay tài sản cố định} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản cố định bình quân}} = \frac{171{,}791 \text{ tỷ đồng}}{23{,}102 \text{ tỷ đồng}} = 7{,}4 \text{ vòng}$$

Các chỉ số trên cho ta thấy hiệu suất sử dụng tài sản cố định của công ty có hiệu quả, với 1 đồng tài sản cố định đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh sinh ra 7 đồng doanh thu trong 1 năm.

b) Tình hình nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Tăng, giảm	Tăng, giảm
		Giá trị [1] (Tỷ đồng)	*Tỷ trọng (%)*	*Giá trị [2] (Tỷ đồng)*	*Tỷ trọng (%)*	*[3]=[2]-[1] (Tỷ đồng)*	*[4]=[3]/[1] (%)*
	Tổng nguồn vốn	**256,62**	**100**	**480,04**	**100**	**223,42**	**87,06**
1	**Nợ ngắn hạn**	**64,40**	**25,10**	**143,20**	**29,83**	**78,79**	**122,34**

1.1	Phải trả người bán	52,66	20,52	72,91	15,19	20,25	38,46
1.2	Chi phí phải trả	7,05	0,01	18,59	3,87	18,58	263539,18
1.3	Vay nợ thuê tài chính	5,18	2,02	46,95	9,78	41,77	806,37
2	**Vốn chủ sở hữu**	**192,22**	**74,90**	**336,84**	**70,17**	**144,63**	**75,24**

(Căn cứ số liệu BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán)

Tính đến ngày 31/12/2017: Các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty là 143,20 tỷ đồng, tăng 122,34% so với thời điểm đầu năm. Trong đó, các khoản phải trả người bán (trả tiền hàng cho đối tác cung cấp mặt hàng thời trang Valentino); chi phí phải trả ngắn hạn (lãi vay phải trả) và vay nợ thuê tài chính ngắn hạn đều tăng cao.

Các chỉ số nợ phải trả:

$$\text{Hệ số nợ trên tổng tài sản} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{\text{143,196 tỷ đồng}}{\text{480,038 tỷ đồng}} = 29,83\%$$

$$\text{Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{\text{143,196 tỷ đồng}}{\text{336,841 tỷ đồng}} = 42,51\%$$

Các chỉ số trên cho thấy tỷ lệ nợ phải trả chiếm 29,83% trong tổng tài sản và tỷ lệ nợ phải trả so với nguồn vốn chủ sở hữu là 42,51%. Điều này cho thấy cơ cấu nợ phải trả ở mức thấp, công nợ phải trả luôn được đảm bảo và nguồn vốn sử dụng vào hoạt động kinh doanh chủ yếu là nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn tự có của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cơ cấu tổ chức: 3 cấp quản lý chính là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc (đứng đầu là Tổng giám đốc). Công ty đã hoàn thiện cơ cấu quản lý theo nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của từng bộ phận, phòng ban cụ thể. Mỗi vị trí nhân sự đều chủ động trong công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình
- Bộ máy nhân sự được đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp. Chính sách người lao động luôn được đặt lên hàng đầu từ khâu tuyển dụng, đào tạo đến các chính sách đãi ngộ, thưởng hiệu quả kinh doanh … nhằm khuyến khích CBCNV gia tăng hiệu quả đóng góp, gắn bó lâu dài với Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2018, đồng thời bám sát chiến lược phát triển của Công ty trong giai đoạn tiếp theo. Công ty xác định và đặt ra kế hoạch phát triển như sau:

- Tiếp tục duy trì và phát triển mảng kinh doanh thương mại. Tiến Thành sẽ đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thời trang (đây là hoạt động có tỷ suất lợi nhuận cao nhất) thông qua kênh bán lẻ với đối tác là Công ty TNHH thời trang VMG (trước đây là Công ty TNHH Tiếp thị Việt). Tiến Thành sẽ cùng với đối tác xây dựng chiến lược quảng bá sản phẩm, củng cố và mở rộng hệ thống cửa hàng bán lẻ sản phẩm Valentino Creations tại Việt Nam.

- Duy trì hoạt động sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ với mục đích chủ yếu là đóng góp cho cộng đồng và xã hội thông qua việc tạo công ăn việc làm cho lao động khuyết tật.

- Tập trung nguồn lực nhanh chóng hoàn thiện thủ tục cần thiết để triển khai các dự án đầu tư (dự án Tiến Thành Tower, dự án đầu tư sản xuất rượu với Công ty EMJ Hà Nam...) tạo dòng tiền ổn định trong những năm tới.

- Định hướng chiến lược của Tiến Thành trong những năm tới là phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản làm hoạt động cốt lõi. Để thực hiện định hướng này, Tiến Thành sẽ từng bước M&A các công ty hoặc các dự án có quỹ đất lớn để đầu tư phát triển các dự án bất động sản.

- Ngoài ra, để có sản phẩm tốt phải có con người giỏi, chính vì vậy Tiến Thành tập trung đào tạo, tuyển dụng cán bộ có trình độ cao, chuẩn bị nhân sự kế thừa cho sự phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo.

- Luôn bám sát tình hình thực tiễn, cập nhật thông tin, phân tích, dự báo tình hình nền kinh tế của thế giới và trong nước ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để định hướng, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và đề ra các chỉ tiêu kinh tế kịp thời, phù hợp với tình hình.

- Tổng rà soát lại các nguồn vốn để xây dựng kế hoạch sử dụng vốn trong thời gian tới. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý tài chính kế toán, công nợ phải thu phải trả, củng cố hoàn thiện bộ máy kế toán để quản lý tốt nguồn vốn của công ty.

- Tập trung mọi biện pháp tổ chức tiêu thụ sản phẩm với mục tiêu ổn định và phát triển thị trường trong nước cả về số lượng sản phẩm và thị phần. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt công tác bán hàng, nâng cao năng lực quản lý và khả năng tác nghiệp của cán bộ kinh doanh.

5. ***Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của Kiểm toán (nếu có):*** *Kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với Báo cáo tài chính*

6. ***Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:*** Báo cáo tại mục II.6

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

- Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh: Chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản mà Đại hội đồng cổ đông giao cho.

- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì và hoạt động ổn định đúng theo định hướng phát triển.

- Ban kiểm soát cùng bộ phận tài chính kế toán thực hiện tốt công tác giám sát tài chính, cân đối nguồn lực giữa sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng.

- Duy trì được mức thu nhập ổn định cho toàn thể người lao động, đảm bảo an toàn lao động đặt biệt là đối tượng lao động là người khuyết tật.

- Thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng xã hội, nhiệt tình tham gia các hoạt động quyên góp ủng hộ và địa phương phát động; hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Thực hiện tốt việc công bố thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông, minh bạch trong toàn bộ hoạt động của Công ty

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.*

a) Những mặt đạt được:

- Trong năm 2017 Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình theo Pháp luật và Điều lệ công ty; thực hiện đúng và nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; duy trì các cuộc họp giao ban để có sự chỉ đạo kịp thời và đưa ra các giải pháp hiệu quả;

- Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị và đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp với Hội đồng quản trị để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp;

- Các báo cáo tài chính quý/bán niên/năm , báo cáo quản trị của Công ty hoàn thành đúng quy định và đúng thời hạn. Báo cáo tài chính năm 2017 bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã được Công ty TNHH kiểm toán TTP chấp thuận toàn phần;

- Thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy trình và quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Tất cả các thông tin công bố đầy đủ, kịp thời, minh bạch và được đăng tải trên website Công ty.

b) Những mặt còn tồn tại:

Ban Tổng giám đốc chưa sát sao trong việc chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư, các dự án đều chậm tiến độ. Dự án Tiến Thành Tower chưa hoàn tất thủ tục cấp phép xây dựng và chưa triển khai thi công. Dự án hợp tác đầu tư sản xuất rượu với Công ty CP EMJ Hà Nam cũng bị chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra. Đề nghị Ban Tổng giám đốc nỗ lực hơn nữa, tiếp tục giám sát, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan chức năng và đối tác có giải pháp triệt để tháo gỡ những khó khăn để triển khai dự án trong năm 2018.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc Ban Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã đề ra.

- Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực tài chính đảm bảo tài chính của công ty an toàn, hiệu quả có đủ nguồn để đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư và vốn lưu động của công ty.

- Tiếp tục cải tiến và hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, mô hình công ty niêm yết và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty.

- Duy trì, phát triển các lĩnh vực kinh doanh hiện tại đồng thời tìm kiếm, phát triển thêm những lĩnh vực hoạt động mới phù hợp với năng lực của Công ty tạo giá trị bền vững. Định hướng chiến lược của Tiến Thành trong tương lai phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản làm hoạt động cốt lõi thông qua từng bước M&A các công ty hoặc các dự án có quỹ đất lớn để đầu tư phát triển các dự án bất động sản.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, xây dựng quan điểm và tác phong làm việc chuyên nghiệp tạo năng suất hiệu quả làm việc cao.

- Chú trọng, quan tâm đến chính sách người lao động, nâng cao chất lượng đào tạo tuyển dụng. Đặc biệt đảm bảo an toàn lao động và đời sống sinh hoạt hàng ngày cho người lạo động khuyết tật.

- Phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên, trong đó có 3 thành viên không tham gia điều hành cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ tại công ty	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng chức danh nắm giữ tại tổ chức khác
1	Nguyễn Hữu Trường	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	6.279.000	02
2	Nguyễn Thành Lê	Phó Chủ tịch HĐQT	13.156	0
3	Vũ Văn Trọng	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ thường trực	0	0
4	Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	7.774	01
5	Nguyễn Thị Kim Phượng	Ủy viên HĐQT	10.764	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng của mình: Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời các hoạt động của Ban Giám đốc; theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo của Ban điều hành gửi báo cáo Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến các thành viên để ban hành các Nghị quyết/Quyết định thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 buổi họp, các thành viên HĐQT đều tham gia 100% các buổi họp và các nội dung biểu quyết có tính thống nhất cao. Cụ thể như sau:

STT	Số hiệu văn bản	Ngày	Nội dung
1	Số 01/2017/NQ-HĐQT	28/02/2017	Về việc Tiến độ triển khai các dự án Tiến Thành và biện pháp thúc đẩy tiến độ
2	Số 02/2017/NQ-HĐQT	10/03/2017	Về việc Chốt danh sách cổ đông và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
3	Số 03/2017/NQ-HĐQT	22/04/2017	Về việc Miễn nhiệm Tổng giám đốc và bổ nhiệm chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ

4	Số 04/2017/NQ-HĐQT	09/05/2017	Về việc Từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Ông Nguyễn Tuấn Anh và bổ nhiệm Ông Vũ Văn Trọng làm thành viên HĐQT
5	Số 06/2017/NQ-HĐQT	08/06/2017	Về việc Thông qua đơn từ nhiệm chức vụ Trưởng BKS của Bà Vũ Quỳnh Trang và miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc nội chính của Bà Nguyễn Thị Thanh Hương
6	Số 07/2017/NQ-HĐQT	15/06/2017	Về việc Thay đổi nhân sự Kế toán trưởng
7	Số 08/2017/NQ-HĐQT	19/06/2017	Về việc Triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua
8	Số 09/2017/NQ-HĐQT	22/06/2017	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2017
9	Số 11/2016/NQ-HĐQT	06/09/2017	Về việc Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện trả cổ tức năm 2016 và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
10	Số 12/2017/NQ-HĐQT	05/10/2017	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc rút ngành nghề kinh doanh
11	Số 13/2017/NQ-HĐQT	07/11/2017	Về việc mua lại cổ phần của Công ty CP Đầu tư Sơn Phú
12	Số 14/2017/NQ-HĐQT	09/11/2017	Về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016, kết quả nộp tiền mua cổ phần của đợt chào bán cổ phiếu theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và phương án chào bán tiếp số cổ phần chưa phân phối hết

2. *Ban Kiểm soát*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty hiện tại còn 01 thành viên. Do Bà Vũ Quỳnh Trang xin từ nhiệm từ ngày 08/06/2017 và Ông Nguyễn Văn Quyết xin từ nhiệm từ ngày 01/11/2017.

STT	Tên thành viên	Chức vụ tại công ty	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng chức danh nắm giữ tại tổ chức khác
1	Hà Thị Tuyết Chinh	Thành viên BKS	11.661	0

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2017, dù có sự biến động về nhân sự lớn nhưng Ban kiểm soát vẫn thực hiện tốt trách nhiệm kiểm tra, giám sát của mình thông qua các hoạt động sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị về các kế hoạch hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Đề xuất ý kiến nhằm tăng cường giám sát, quản lý và thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017;

- Tham gia các buổi họp của Ban Giám đốc công ty về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện. Kiểm soát các báo cáo kinh doanh do Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng chuẩn bị;

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật nhà nước, Điều lệ công ty, các quy chế liên quan đến hoạt động của công ty niêm yết;

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý điều hành công ty thông qua giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; giám sát việc tuân thủ pháp luật nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế liên quan đến hoạt động của Công ty niêm yết;

- Thẩm định các báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; phối hợp với đơn vị kiểm toán thẩm định kết quả tính hình sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra tính tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các chế độ tài chính hiện hành trong công tác hạch toán;

- Kiểm soát chặt chẽ quy trình Công bố thông tin theo đúng với quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Tham gia công tác kiểm kê định kỳ để thẩm định tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty.

Thông qua hoạt động giám sát của mình trong năm 2017, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban Kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được mục tiêu phát triển an toàn và bền vững.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2017, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không nhận thù lao cố định hàng tháng trong năm 2017.

- Ban Giám đốc, Kế toán trưởng: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và kế toán trưởng theo quy chế lương của Công ty và được thể hiện trong Báo cáo tài chính của công ty

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Công ty CP Đầu tư Sơn Phú	Cổ đông lớn, người có liên quan đến thành viên BKS	2.470.000	19%	950.000	7,31%	Bán cổ phiếu
2	Nguyễn Thanh Tùng	Cổ đông lớn	1.520.000	11,69%	1.394.900	10,73%	Bán cổ

							phiếu
3	Nguyễn Thanh Tùng	Cổ đông lớn	1.394.900	10,73%	1.279.900	9,85%	Bán cổ phiếu
4	Nguyễn Thanh Tùng	Cổ đông lớn	1.279.900	9,85%	1.530.000	11,77%	Mua cổ phiếu
5	Công ty CP Đầu tư Sơn Phú	Cổ đông lớn, người có liên quan đến thành viên BKS	950.000	7,31%	285.000 (cổ tức chờ về)	0,95%	Bán cổ phiếu
6	Công ty CP Đầu tư Sơn Phú	Cổ đông lớn, người có liên quan đến thành viên BKS	285.000	0,95%	0	0%	Bán cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Về việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị đã áp dụng và thực hiện đúng các chuẩn mực quản trị Công ty cổ phần, đáp ứng đúng yêu cầu quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán TTP.
- Ý kiến của kiểm toán viên:

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán

Báo cáo tài chính kèm theo bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017

Toàn văn Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.tienthanhjsc.vn *(Mục Quan hệ cổ đông – Báo cáo tài chính).*

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trường

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4-5
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596523 ngày 04 tháng 11 năm 2003 thay đổi lần thứ 23 ngày 04/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: KĐT Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và gia công hàng mã;
- Kinh doanh các sản phẩm thời trang, vật liệu xây dựng…

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Trường	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thành Lê	P. Chủ tịch	Bổ nhiệm, Ngày 01/01/2017
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm, Ngày 09/05/2017
Ông Vũ Văn Trọng	Ủy viên	Bổ nhiệm, Ngày 09/05/2017
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Quỳnh Trang	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 08/06/2017
Ông Nguyễn Văn Quyết	Trưởng ban kiểm soát (tạm thời)	Bổ nhiệm ngày 08/06/2017
Bà Hà Thị Tuyết Chinh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm, Ngày 22/04/2017
Ông Nguyễn Hữu Trường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm, Ngày 22/04/2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm, Ngày 08/06/2017
Ông Vũ Văn Trọng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm, Ngày 01/01/2017
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Kế Toán trưởng	Miễn nhiệm, Ngày 15/06/2017
Bà Trịnh Thanh Tươi	Kế Toán trưởng	Bổ nhiệm, Ngày 15/06/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm báo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

M.S.D.N - 0100596... C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH
Q. LONG BIÊN - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Trường

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 108/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành được lập ngày 14 tháng 03 năm 2018 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 31/12/2016.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
Phó Tổng Giám đốc

Lê Phương Anh
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0739-2018-133-1

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Khánh Vân
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0371-2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**310.631.592.757**	**209.206.081.038**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**VI.1**	**24.753.040.376**	**10.582.810.299**
1. Tiền	111		24.753.040.376	10.582.810.299
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**VI.6**	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**186.841.940.588**	**110.042.344.466**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	51.251.220.900	76.265.011.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		116.534.035.256	33.362.592.480
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4a	19.056.684.432	414.740.921
IV. Hàng tồn kho	**140**	**VI.7**	**96.764.596.208**	**84.083.533.844**
1. Hàng tồn kho	141		96.764.596.208	84.083.533.844
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.272.015.585**	**4.497.392.429**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.10a	21.654.845	43.892.075
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.249.589.190	4.453.102.391
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		771.550	397.963
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**169.406.444.397**	**47.413.198.270**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**116.639.000.000**	**34.200.000.000**
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	116.639.000.000	34.200.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	**220**		**42.618.918.357**	**3.584.242.813**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**VI.8**	39.181.168.357	3.584.242.813
- Nguyên giá	*222*		43.122.975.919	4.341.380.610
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*223*		*(3.941.807.562)*	*(757.137.797)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	**VI.9**	3.437.750.000	-
- Nguyên giá	*228*		*3.437.750.000*	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**176.453.843**	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		176.453.843	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**VI.6**	**9.516.870.000**	**9.516.870.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.516.870.000	9.516.870.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**455.202.197**	**112.085.457**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	**VI.10b**	455.202.197	112.085.457
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	**269**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**480.038.037.154**	**256.619.279.308**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**143.196.208.049**	**64.402.872.089**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**143.196.208.049**	**64.402.872.089**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.11	72.907.428.153	52.657.158.570
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.044.796.036	5.544.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.12	1.351.779.203	71.481
4. Phải trả người lao động	314		103.884.886	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.13	18.588.027.783	7.050.556
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14a	250.291.988	14.591.482
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	46.950.000.000	5.180.000.000
11.Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.000.000.000	1.000.000.000
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**336.841.829.105**	**192.216.407.219**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	VI.16	**336.841.829.105**	**192.216.407.219**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		298.999.810.000	129.999.980.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.394.830.504	1.394.830.504
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.447.188.601	60.821.596.715
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(12.900.157.464)*	*766.554.761*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*44.347.346.065*	*60.055.041.954*
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**480.038.037.154**	**256.619.279.308**

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trịnh Thanh Tươi	Trịnh Thanh Tươi	Nguyễn Hữu Trường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VII.1**	**171.790.660.800**	**158.240.472.550**
2. Các khoản giảm trừ	**02**		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**171.790.660.800**	**158.240.472.550**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VII.2**	**138.414.428.462**	**89.685.360.088**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	**20**		**33.376.232.338**	**68.555.112.462**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	**VII.3**	**2.312.423.320**	**176.678.260**
7. Chi phí tài chính	**22**	**VII.4**	**1.166.843.387**	**1.245.324.956**
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.135.104.811*	*7.050.556*
8. Chi phí bán hàng	**24**	**VII.7**	**1.557.577.915**	**3.569.090.909**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**	**VII.7**	**4.322.778.797**	**3.581.115.367**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	**30**		**28.641.455.559**	**60.336.259.490**
11. Thu nhập khác	**31**	**VII.5**	**136.906.196**	**347**
12. Chi phí khác	**32**	**VII.6**	**152.939.869**	**281.217.883**
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(16.033.673)**	**(281.217.536)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**28.625.421.886**	**60.055.041.954**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**VII.8**	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**28.625.421.886**	**60.055.041.954**
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			28.625.421.886	60.055.041.954
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VII.9**	**1.734.82**	**4.542.70**

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trịnh Thanh Tươi	Trịnh Thanh Tươi	Nguyễn Hữu Trường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		***28.488.515.690***	***60.055.041.954***
2. Điều chỉnh cho các khoản	**01**	-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.898.345.945	88.040.059
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(40.481.377)	1.557.451.702
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(615.449.251)	(8.270.363)
- Chi phí lãi vay	06	1.135.104.811	7.050.556
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	***30.866.035.818***	***61.699.313.908***
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(52.469.523.905)	(23.450.578.380)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(108.279.182)	(73.106.893.663)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(12.987.290.784)	36.948.290.745
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	156.960.388	(115.359.338)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(748.499.255)	(8.515.260.555)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(49.572.111)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		**(35.290.596.920)**	**(6.590.059.394)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(36.685.755.364)	(3.607.960.000)
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khá	23	-	(9.516.870.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(63.437.040.575)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.307.692.308	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	615.449.251	8.270.363
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		**(92.199.654.380)**	**(13.116.559.637)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	129.999.980.000	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	40.500.000.000	5.180.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.880.000.000)	(25.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.999.980.000)	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		**141.620.000.000**	**(19.820.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**14.129.748.700**	**(39.526.619.031)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**10.582.810.299**	**50.109.429.330**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	40.481.377	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**24.753.040.376**	**10.582.810.299**

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trịnh Thanh Tươi	Trịnh Thanh Tươi	Nguyễn Hữu Trường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596523 ngày 04 tháng 11 năm 2003 thay đổi lần thứ 23 ngày 04/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và gia công hàng mã;
- Kinh doanh các sản phẩm thời trang, vật liệu xây dựng…

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: KĐT Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:
- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:
- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và được sửa đổi bởi Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25 năm
- Máy móc, thiết bị	03-06 năm
- Phương tiện, vận tải	05-08 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí luỹ kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thăng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu

quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm

trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Công ty đang áp dụng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có số lao động là người khuyết tật bình quân trong năm chiếm từ 30% trở lên tổng số lao động bình quân trong năm của doanh nghiệp (trừ hoạt động tài chính và hoạt động chuyển nhượng bất động sản) theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 10296/CCT-TTHT-AC ngày 06/07/2016 của Chi cục thuế quận Long Biên về việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:
- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.
Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Tiền mặt	6.743.133.966	5.341.626.999
- Tiền gửi ngân hàng	18.009.906.410	5.241.183.300
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	-	-
Cộng	**24.753.040.376**	**10.582.810.299**

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Công ty CP Đông Nam Á Việt Nam	3.491.750.000			
Công ty TNHH HSE Việt Nam	3.258.739.000			
Công ty TNHH TM DV và ĐT Minh Anh	6.629.925.000		142.919.700	
Công ty TNHH thời trang VMG	16.451.511.400			
Công ty CP thương mại và sản xuất Lập Phương Thành	3.571.444.152			
Công ty CP thép Lam Giang	5.582.966.079			
Công ty TNHH Đầu tư phát triển Minh Văn Anh	8.146.206.731			
Công ty TNHH một thành viên thép Trọng Dương			8.768.826.000	
Công ty CP Tập đoàn Đông Thiên Phú			35.377.744.000	
Công ty TNHH Tiếp Thị Việt			24.956.175.000	
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.118.678.538		7.019.346.365	
Cộng	**51.251.220.900**	**-**	**76.265.011.065**	**-**

Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Đông Thiên Phú Miền Nam		221.620.855
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Minh Văn Anh	-	6.797.725.510
Công ty TNHH TM DV và ĐT Minh Anh	6.629.925.000	142.919.700
Cộng	**6.629.925.000**	**7.162.266.065**

4. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	**19.056.684.432**		**414.740.921**	
- Phải thu khác	134.710.099			
- Dư Nợ BHXH	1.339.622		149.873	
- Tạm ứng (*)	18.920.634.711		414.591.048	
b. Dài hạn	**116.639.000.000**		**34.200.000.000**	
- Phải thu khác dài hạn (**)	116.639.000.000		34.200.000.000	

(*) Trong đó số dư tạm ứng của ông Vũ Văn Trọng - Phó TGĐ là: 17.356.943.000 đ. Tạm ứng thực hiện dự án Tiến Thành Tower.

(**) Trong đó:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với EMJ Hà Nam: 34.200.000.000 đ để xây dựng dây chuyền sản xuất rượu công suất 1,95 triệu lít/năm tại khu công nghiệp Kim Bình, TP. Phủ Lý, Hà Nam và phát triển thương hiệu rượu Vodka EMJ. Tỷ lệ góp vốn là 67%, thời gian hợp tác từ 03/01/2015 đến hết 05/05/2054. Lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn. Đến ngày 31/12/2017, dự án đang trong giai đoạn đầu tư xin cấp phép.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Toàn Thắng: 82.439.000.000 đ để hợp tác đầu tư vào dự án "Đầu tư khu du lịch Golden Beach". Thời gian hợp tác từ 01/01/2018 đến 31/12/2037. Lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ: Tiến Thành được hưởng 30% trên tổng lợi nhuận.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(Chi tiết phụ lục số 1)

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	895.523.127		-	
- Công cụ dụng cụ	269.021.828		-	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.221.825.528		2.614.518.467	
- Thành phẩm	1.068.344.457		-	
- Hàng hóa	89.309.881.268		81.469.015.377	
Cộng	**96.764.596.208**	**-**	**84.083.533.844**	**-**

* Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 đ.

* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 đ.

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Chi tiết phụ lục số 2)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	**21.654.845**	**43.892.075**
Công cụ dụng cụ phân bổ ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn	21.654.845	43.892.075
b. Dài hạn	**455.202.197**	**112.085.457**
Công cụ dụng cụ phân bổ dài hạn	90.738.659	94.931.615
Chi phí trả trước dài hạn	364.463.538	17.153.842
Cộng	**476.857.042**	**155.977.532**

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	**72.907.428.153**	**72.907.428.153**	**52.657.158.570**	**52.657.158.570**
ACTIVE CREATION APPRAREL SDN.BHD	66.445.143.000	66.445.143.000	46.946.340.000	46.946.340.000
Công ty CP TM và SX Lập Phương Thành		-	4.447.765.250	4.447.765.250
Công ty TNHH MTV thép Trọng Dương	553.225.000	553.225.000		-
Công ty TNHH An Thảo Minh	459.974.500	459.974.500		-
- Phải trả người bán khác	5.449.085.653	5.449.085.653	1.263.053.320	1.263.053.320

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính:VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Điều chỉnh khác	Số dư cuối năm
	(a)	(b)	(c)	(d)	e=(a)+(b)-(c)+(d)
Thuế GTGT phải nộp		4.138.202.118	3.749.696.458	124.202.929	512.708.589
Thuế xuất, nhập khẩu		311.951.103	311.951.103		
Thuế TNDN		130.601.016		53.000	130.654.016
Thuế thu nhập cá nhân	71.481		71.481		
Thuế tài nguyên		492.175.758	336.749.800	163.239.557	318.665.515
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		102.192.184	110.153.784	244.229.383	236.267.783
Thuế bảo vệ môi trường và các thuế khác		6.000.000	6.000.000		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		861.295.920	1.284.219.580	576.406.960	153.483.300
Cộng	**71.481**	**6.042.418.099**	**5.798.842.206**	**1.108.131.829**	**1.351.779.203**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	**18.588.027.783**	**7.050.556**
- Lãi vay phải trả	18.588.027.783	7.050.556
b. Dài hạn	-	-
Cộng	**18.588.027.783**	**7.050.556**

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	**250.291.988**	**14.591.482**
- Kinh phí công đoàn	26.797.192	14.591.482
- Bảo hiểm xã hội	223.494.796	-
Cộng	**250.291.988**	**14.591.482**

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH
(Chi tiết phụ lục số 3)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU
a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Phụ lục 4)
b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu (Phụ lục 4)
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	*129.999.980.000*	*100.000.000.000*
+ Vốn góp tăng trong năm	*168.999.830.000*	*29.999.980.000*
+ Vốn góp giảm trong năm	-	
+ Vốn góp cuối năm	*298.999.810.000*	*129.999.980.000*
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.899.981	12.999.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.899.981	12.999.998
+ Cổ phiếu phổ thông	*29.899.981*	*12.999.998*
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.899.981	12.999.998
+ Cổ phiếu phổ thông	*29.899.981*	*12.999.998*
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e. Các quỹ của doanh nghiệp		
- Quỹ đầu tư phát triển	6.394.830.504	1.394.830.504
Cộng	**6.394.830.504**	**1.394.830.504**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa	171.746.460.800	158.237.172.550
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.200.000	3.300.000
Cộng	**171.790.660.800**	**158.240.472.550**

Trong đó doanh thu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Công ty CP Đông Thiên Phú Miền Nam		26.618.528.050
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ và đầu tư Minh Anh	12.481.750.000	
Cộng	**12.481.750.000**	**26.618.528.050**

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	138.339.395.117	89.412.386.488
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	75.033.345	272.973.600
Cộng	**138.414.428.462**	**89.685.360.088**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.642.436.434	8.270.363
- Lãi chênh lệch tỷ giá	59.561.377	168.407.897
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	610.425.509	
Cộng	**2.312.423.320**	**176.678.260**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi vay	1.135.104.811	7.050.556
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	31.738.576	1.238.274.400
Cộng	**1.166.843.387**	**1.245.324.956**

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi do thâu tóm công ty con	136.906.196	
- Thu nhập khác		347
Cộng	**136.906.196**	**347**

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí phạt hành chính	80.881.514	103.941.212
- Chi phí khác	72.058.355	177.276.671
Cộng	**152.939.869**	**281.217.883**

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.883.003.162	44.081.009
- Chi phí nhân công	2.758.925.288	2.265.336.805
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.906.649.117	88.040.059
- Thuế phí lệ phí	208.325.100	10.179.097
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	575.424.656	3.569.090.909
- Chi phí khác bằng tiền	280.957.015	1.173.478.397
Cộng	**8.613.284.338**	**7.150.206.276**

Trong đó bao gồm:

Chi phí sản xuất	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí NVL, CCDC	1.498.546.605	
- Chi phí nhân công	147.110.048	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.200.616	
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	208.325.100	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	558.783.754	
- Chi phí khác	246.961.503	
Cộng	**2.732.927.626**	-

Chi phí bán hàng	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng		
- Chi phí nhân công	1.548.341.915	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		
- Chi phí thuế, phí, lệ phí		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.236.000	3.569.090.909
- Chi phí khác		
Cộng	**1.557.577.915**	**3.569.090.909**

Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	1.384.456.557	44.081.009
- Chi phí nhân công	1.063.473.325	2.265.336.805
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.833.448.501	88.040.059
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	-	10.179.097
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.404.902	
- Chi phí khác	33.995.512	1.173.478.397
Cộng	**4.322.778.797**	**3.581.115.367**

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**-**

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	28.625.421.886	60.055.041.954
Các khoản điều chỉnh	1.000.000.000	1.000.000.000
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST	*1.000.000.000*	*1.000.000.000*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	27.625.421.886	59.055.041.954
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.924.103	12.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.734.82**	**4.542.70**

(*) Năm 2017 đơn vị thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ 1,67% lợi nhuận năm 2016 với số tiền 1.000.000.000 VND. Trong kỳ kế toán năm 2017 thực hiện ước tính số quỹ khen thưởng phúc lợi bằng số tiền đã trích năm 2016.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Cổ tức bằng cổ phiếu: 38.999.850.000 đ.

2. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.753.040.376		10.582.810.299	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	186.946.905.332	-	110.879.751.986	-
Đầu tư dài hạn	9.516.870.000	-	9.516.870.000	-
Cộng	**221.216.815.708**	**-**	**130.979.432.285**	**-**

Đơn vị tính: VND

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	46.950.000.000	5.180.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	73.157.720.141	52.671.750.052
Chi phí phải trả	18.588.027.783	7.050.556
Cộng	**138.695.747.924**	**57.858.800.608**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.753.040.376			24.753.040.376
Phải thu khách hàng, phải thu khác	70.307.905.332	116.639.000.000		186.946.905.332
Các khoản cho vay				
Đầu tư ngắn hạn	9.516.870.000			9.516.870.000
Đầu tư dài hạn				
Cộng	**104.577.815.708**	**116.639.000.000**		**221.216.815.708**
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.582.810.299			10.582.810.299
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.679.751.986	34.200.000.000		110.879.751.986
Đầu tư ngắn hạn	9.516.870.000			9.516.870.000
Cộng	**96.779.432.285**	**34.200.000.000**		**130.979.432.285**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	46.950.000.000			46.950.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	73.157.720.141	-		73.157.720.141
Chi phí phải trả	18.588.027.783			18.588.027.783
Cộng	**138.695.747.924**	-	-	**138.695.747.924**
Số đầu năm				
Vay và nợ	5.180.000.000			5.180.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	52.671.750.052	-		52.671.750.052
Chi phí phải trả	7.050.556			7.050.556
Cộng	**57.858.800.608**	-	-	**57.858.800.608**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

IX. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	*Tổng*
Doanh thu thuần ra bên ngoài	171.746.460.800	44.200.000	171.790.660.800
Tổng doanh thu thuần	**171.746.460.800**	**44.200.000**	**171.790.660.800**
Chi phí bộ phận	138.339.395.117	75.033.345	138.414.428.462
Kết quả kinh doanh bộ phận	**33.407.065.683**	**(30.833.345)**	***33.376.232.338***
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			**5.880.356.712**
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			27.495.875.626
Doanh thu hoạt động tài chính			2.312.423.320
Chi phí tài chính			1.166.843.387
Thu nhập khác			136.906.196
Chí phí khác			152.939.869
Thuế TNDN hiện hành			-
Lợi nhuận sau thuế			**28.625.421.886**

X - GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các bên liên quan trong năm 2017 như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch trong năm 2017	Giá trị VND
Ông Vũ Văn Trọng	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	99.847.348.000
Ông Vũ Văn Trọng	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	Hoàn ứng	82.490.405.000
Công ty TNHH TMDV & ĐT Minh Anh	Giám đốc của Minh Anh là bố đẻ của thành viên HĐQT Tiến Thành	Doanh thu bán hàng	12.481.750.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	**Năm nay VND**	**Năm trước VND**
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	399.590.193	341.220.000

XI. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trịnh Thanh Tươi	Trịnh Thanh Tươi	Nguyễn Hữu Trường

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		Số cuối năm			Số đầu năm		
	Nắm giữ	Biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			**9.516.870.000**	**9.516.870.000**	-	**9.516.870.000**	**9.516.870.000**	-
- Công ty CP Gạch ngói Kiên Giang	12.71%	12.71%	3.816.870.000	3.816.870.000		3.816.870.000	3.816.870.000	
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Minh Văn Anh	19.00%	19.00%	5.700.000.000	5.700.000.000		5.700.000.000	5.700.000.000	

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	389.963.585	112.300.000	3.607.960.000	231.157.025		4.341.380.610
Số tăng trong năm	28.664.773.836	3.694.743.182	6.001.484.000	114.866.364	305.727.927	38.781.595.309
- Mua trong năm	*27.876.255.000*	*1.887.000.000*	*6.001.484.000*	*114.866.364*		*35.879.605.364*
- Tăng khác	*788.518.836*	*1.807.743.182*			*305.727.927*	*2.901.989.945*
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	29.054.737.421	3.807.043.182	9.609.444.000	346.023.389	305.727.927	43.122.975.919
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	389.963.585	112.300.000	54.504.222	200.369.990		757.137.797
Số tăng trong năm	419.788.203	953.121.377	1.581.396.220	26.857.143	239.590.731	3.220.753.674
- Khấu hao trong năm	*230.543.691*	*441.904.523*	*1.581.396.220*	*26.857.143*	*38.215.991*	*2.318.917.568*
- Tăng khác	*189.244.512*	*511.216.854*			*201.374.740*	*901.836.106*
Số giảm trong năm	-	36.083.909	-	-	-	36.083.909
- Giảm khác		*36.083.909*				*36.083.909*
Số dư cuối năm	809.751.788	1.029.337.468	1.635.900.442	227.227.133	239.590.731	3.941.807.562
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	3.553.455.778	30.787.035	-	3.584.242.813
Tại ngày cuối năm	28.244.985.633	2.777.705.714	7.973.543.558	118.796.256	66.137.196	39.181.168.357

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay: 34.805.417.398 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2017: 787.920.610 VND.

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Bản quyền bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm						-
Số tăng trong năm	3.437.750.000	-	-	-	-	3.437.750.000
- Mua trong năm	*3.437.750.000*					*3.437.750.000*
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**3.437.750.000**		-	-	-	**3.437.750.000**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						-
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-		-	-	-	-
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-		-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	**3.437.750.000**		-	-	-	**3.437.750.000**

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay: 3.437.750.000 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2017: 0 VND.

Phụ lục 3

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**46.950.000.000**	**46.950.000.000**	**58.650.000.000**	**16.880.000.000**	**5.180.000.000**	**5.180.000.000**
- Vay Ngân hàng	46.950.000.000	46.950.000.000	58.650.000.000	16.880.000.000	5.180.000.000	5.180.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (*)	*46.950.000.000*	*46.950.000.000*	*58.650.000.000*	*16.880.000.000*	*5.180.000.000*	*5.180.000.000*

(*) Bao gồm 04 hợp đồng tín dụng:

1. Hợp đồng tín dụng số 03/2017/4642129/HĐTD ngày 19/09/2017, số tiền vay: 5.500.000.000, thời hạn 04 tháng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động hoạt động kinh doanh điều hòa. Lãi suất: 8,5%/năm.
2. Hợp đồng tín dụng số 04/2017/4642129/HĐTD ngày 27/10/2017, số tiền vay: 5.000.000.000, thời hạn 06 tháng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động hoạt động kinh doanh thép xây dựng. Lãi suất 8,8%/năm.
3. Hợp đồng tín dụng số 05/2017/4642129/HĐTD ngày 19/12/2017, số tiền vay: 19.500.000.000, thời hạn 06 tháng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động hoạt động kinh doanh thép xây dựng. Lãi suất 8,5%/năm.
4. Hợp đồng tín dụng số 01/2012/3501895/HDTD ngày 23 tháng 10 năm 2012 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà Nội với mục đích bổ sung vốn ngắn hạn để mua đồng cathodes 99,99% theo hợp đồng kinh tế số 15/2012/Sino – SP giữa Công ty TNHH Thiết bị Y tế Sino Đức và Công ty CP Đầu tư Sơn Phú. Thời hạn vay là 09 tháng; lãi suất trong năm là 8%/năm.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	**100.000.000.000**			**33.161.365.265**		**133.161.365.265**
- Tăng vốn năm trước	29.999.980.000					29.999.980.000
- Lãi trong năm trước				60.055.041.954		60.055.041.954
- Trích lập các quỹ			1.394.830.504	(2.394.830.504)		(1.000.000.000)
- Tăng/giảm khác						-
- Cổ tức				(29.999.980.000)		(29.999.980.000)
- Vốn giảm trong năm						-
Số dư cuối năm trước	**129.999.980.000**	**-**	**1.394.830.504**	**60.821.596.715**	**-**	**192.216.407.219**
Số dư đầu năm nay	**129.999.980.000**	**-**	**1.394.830.504**	**60.821.596.715**	**-**	**192.216.407.219**
- Tăng trong năm (*)	168.999.830.000					168.999.830.000
- Lãi trong năm				28.625.421.886		28.625.421.886
- Trích lập các quỹ			5.000.000.000	(6.000.000.000)		(1.000.000.000)
- Tăng khác						-
- Lỗ trong năm						-
- Cổ tức				(51.999.830.000)		(51.999.830.000)
-Tăng/ Giảm khác						-
Số cuối năm	**298.999.810.000**	**-**	**6.394.830.504**	**31.447.188.601**	**-**	**336.841.829.105**

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của cổ đông khác	298.999.810.000	129.999.980.000
Cộng -	**298.999.810.000**	**129.999.980.000**